

Bản án số: **23/2021/DS-PT**

Ngày: 16/4/2021

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hồng Thái và ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Hoàng Thị Vân A**, sinh năm 1981; nơi cư trú: số nhà 71, đường Lê Hồng Phong, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2020); nơi cư trú: thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 1, khu phố 2, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Hoài V, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2020); nơi cư trú: khu phố Lạc Hưng 2, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: số nhà 71, đường Lê Hồng Phong, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2020; nơi cư trú: thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

2. Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 1, khu phố 2, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)
- Bà Lê Thị L, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)
- Bà Lê Thị N, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 7, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)
- Ông Nguyễn Văn Năm, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh. Địa chỉ: Số 43B, đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố H (vắng mặt)

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L

NỘI D V U ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lời trình bày của phía nguyên đơn: vào ngày 25/02/2019, bà Nguyễn Thị Kim L và chồng là ông Nguyễn Huy L có vay của vợ chồng bà Hoàng Thị Vân A số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) để đầu tư mở xưởng sản xuất miêng gió. Ban đầu bà L cam kết trả dần nhưng sau đó hai bên thỏa thuận trả lãi hàng tháng, trả gốc một lần. Giấy nợ ngày 25/02/2019 là do bà L tự viết và ký, nhưng không ghi ngày nên sau khi giao giấy nợ cho bà A, bà A đã tự ghi ngày “25-2-2019” vào giấy nợ.

Từ ngày 25/02/2019 đến nay, bà Nguyễn Thị Kim L mới chỉ trả cho bà Vân A 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền lãi. Về tiền gốc bà A đã đòi nhiều lần nhưng bà L chưa trả. Nay bà Vân A yêu cầu vợ chồng bà L, ông L phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ vay là 450.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/02/2019 đến ngày xét xử 25/12/2020 theo mức lãi suất 1.66%/tháng, là 164.430.000 đồng, tổng số tiền lãi và gốc mà bà L và ông L phải trả là 614.430.000 đồng.

Về số tiền vay trả góp 6 lần vào các tháng 6 và 7 năm 2019 như trình bày của bị đơn thì bà A khẳng định: vào ngày 07/6/2019 bà L có vay của bà số tiền 80.000.000 đồng, ngày 18/6/2019 vay số tiền 110.000.000 đồng, ngày 24/6/2019 vay số tiền 190.000.000 đồng, ngày 04/7/2019 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 15/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 21/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà L đã không góp đầy đủ nên hai bên có chốt với nhau bằng một giấy nợ số tiền 557.970.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) và bà A đã ủy quyền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh đòi nợ bà L, hai bên đã giải quyết xong với nhau và số tiền nợ này không liên quan đến số tiền nợ 450.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/02/2019.

Lời trình bày của phía bị đơn: trước tháng 6/2019, bà L đã từng vay tiền của bà Hoàng Thị Vân A nhưng đã trả xong. Đến khoảng tháng 6 và tháng 7 năm 2019, bà Nguyễn Thị Kim L có vay trả góp của bà Vân A sáu lần: vào ngày 07/6/2019 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 18/6/2019 vay số tiền 110.000.000 đồng, ngày 24/6/2019 vay số tiền 190.000.000 đồng, ngày 04/7/2019 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày

15/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 21/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Những số tiền bà L vay vào các ngày nói trên sau khi trừ lãi là 15% số tiền vay, thì bà A giao cho bà L, bà L phải trả góp 10% số tiền vào các ngày cách nhau 10 ngày cho đến khi trả hết. Chẳng hạn số tiền 80.000.000 đồng vay vào ngày 07/6/2019 thì bà A trừ 12.000.000 đồng lãi, bà A giao cho bà L số tiền 68.000.000 đồng, bà L phải trả góp vào các ngày 17/6/2019, 27/9/2019, ... với số tiền là 10% của 80.000.000 đồng là 8.000.000 đồng, trả trong 10 lần là đủ số tiền 80.000.000 đồng. Tương tự các lần vay khác cũng đều trả như vậy.

Tổng số tiền bà L vay trả góp của bà A là 610.000.000 đồng, bà L đã trả được 401.000.000 đồng, còn lại 209.000.000 đồng chưa trả cho bà A. Bà A tự gút nợ với giấy nợ số tiền 557.970.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh (sau đây gọi tắt là công ty Hưng Thịnh) đòi nợ bà L.

Ngày 11/3/2020, các bên đã mượn trụ sở Công an thị trấn Đức Tài để làm việc. Tại buổi làm việc này, hai bên đã thống nhất số nợ trả góp mà bà L còn phải trả cho bà A là 209.000.000 đồng, các khoản nợ cũ trước đây giữa hai bên còn 50.000.000 đồng, làm tròn 260.000.000 đồng và bà L đã trả đủ cho bà A số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 11/3/2020. Bà A đã giao hết giấy nợ cũ mà bà L đã từng viết cho bà A, hai bên không còn nợ nần nhau.

Về giấy nợ đối với số tiền 450.000.000 đồng, ông V cho rằng không phải chữ ký, chữ viết của bà L, bà L không nhớ rõ có từng viết giấy nợ này hay không. Bà L không thừa nhận có vay số tiền này của bà Vân A.

Tại phiên tòa, ông Trương Hoài V trình bày: tại buổi làm việc ngày 11/3/2020 ông Lê Văn N là người trực tiếp giải quyết vụ việc nên việc Tòa án xác minh tại công ty Hưng Thịnh là chưa phù hợp mà phải trực tiếp lấy lời khai của ông N, các khoản nợ phát sinh trước ngày 11/3/2020 đã được hai bên gút nợ vào ngày 11/3/2020; khi bà A nhận số tiền 260.000.000 đồng, bà cam kết hai bên không còn nợ nần gì nhau và bà A đã trao trả cho bà L các giấy nợ bà L đã viết trước đó. Ông đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L là vợ chồng, hiện tại hai người vẫn chung sống hạnh phúc, lâu nay ông phụ giúp trông coi xưởng sản xuất miêng gió cho em ruột của ông tại thành phố H, thu nhập trung bình mỗi tháng là 4.000.000 đồng; vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim L không kinh doanh gì, chỉ ở nhà sinh và chăm sóc 03 người con. Việc bà L có vay mượn của bà A số tiền 450.000.000 đồng hay không thì ông không biết, ông không liên quan gì đến số nợ này nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Kim L. Việc vay mượn tiền giữa bà L và bà A như thế nào thì ông bà không biết. Ông, bà chỉ chứng kiến sự việc ngày

11/3/2020, bà Hoàng Thị Vân A đã thuê công ty Hưng Thịnh, đã đến nhà bà để gặp con ruột của bà là Nguyễn Thị Kim L nhằm giải quyết số tiền mà bà L còn nợ bà A 557.970.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngày 11/3/2020, bà A và công ty Hưng Thịnh đã mượn trụ sở công an thị trấn Đức Tài để làm việc. Tại đây, bà A đã đối chiếu lại sổ sách và thống nhất là bà L chỉ còn nợ bà A số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), vợ chồng bà đã vay tiền của bà Lê Thị N để trả cho bà Vân A. Sau đó, bà A đã viết giấy nhận tiền và cam đoan đã đưa lại các giấy nợ trước đây mà bà L đã viết. Nay ông, bà không yêu cầu gì về số tiền 260.000.000 đồng.

Theo ông, bà thì các khoản nợ giữa bà A và bà L đã được giải quyết vào ngày 11/3/2020 nên nay bà A yêu cầu bà L phải trả số tiền 450.000.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà A. Vợ chồng Liên không làm ăn, kinh doanh gì, bà L chỉ ở nhà sinh và nuôi 03 con, còn con rể bà là ông L chỉ trông coi xưởng sản xuất miệng gió cho em ông L, thu nhập của ông như lời trình bày của ông L là đúng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là chị em ruột với bà Nguyễn Thị Kim L. Việc vay mượn tiền giữa bà L và bà A như thế nào thì bà không biết. Bà chỉ chứng kiến sự việc ngày 11/3/2020, bà Vân A đã thuê công ty Hưng Thịnh, đến gặp bà L nhằm giải quyết số tiền nợ 557.970.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Vào ngày 11/3/2020, tại trụ sở công an thị trấn Đức Tài, bà A và công ty Hưng Thịnh đã đối chiếu sổ sách và thống nhất bà L chỉ còn nợ bà A số tiền 209.000.000 đồng (hai trăm linh chín triệu đồng), sau đó bà Vân A cho rằng bà L còn nợ cũ là 100.000.000 đồng, bà L không đồng ý nên mỗi bên chịu một nửa là 50.000.000 đồng, hai bên đã chốt số tiền bà L nợ của bà A là 260.000.000 đồng. Tại đây, N, bà L đã vay tiền của bà N để trả nợ thay cho bà L. Sau đó, bà A đã viết giấy nhận tiền và cam đoan đã đưa lại các giấy nợ trước đây mà bà L đã viết cho bà A.

Người làm chứng bà Lê Thị N trình bày:

Bà chỉ quen biết với bà L và N, bà xác nhận vào ngày 11/3/2019 bà có cho bà L và N vay số tiền 260.000.000 đồng để trả nợ cho bà Vân A. Ngoài ra, việc vay mượn giữa bà A và bà L cụ thể như thế nào thì bà không biết.

Người làm chứng Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh trình bày:

Ngày 27/02/2020 bà Hoàng Thị Vân A có ký hợp đồng với công ty nhằm ủy quyền cho công ty Hưng Thịnh đòi bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ 557.970.000 đồng. Ngày 11/3/2020 tại trụ sở công an thị trấn Đức Tài, đại diện cho công ty Hưng Thịnh là ông Lê Văn N và My Duy T tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Kim L về số tiền 557.970.000 đồng; hai bên đã thống nhất số tiền bà L còn nợ bà Vân A là 260.000.000 đồng, việc ông N có ghi trong biên bản làm việc ngày 11/3/2020 “kể từ hôm nay giữa bà L và bà A không còn nợ nần gì nhau” là nói về khoản nợ 557.970.000 đồng do bà A đã ủy quyền cho công ty. Ngoài khoản nợ này thì công ty không đòi nợ cho bà A bất kỳ khoản vay nào khác. Vì vậy, việc bà A khởi kiện bà L

về khoản nợ khác tại Tòa án là không liên quan đến công ty nên đề nghị không triệu tập công ty Hưng Thịnh tham gia tố tụng

Theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 5/5/2020 của nguyên đơn, biên bản xác minh ngày 05/5/2020, quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai các đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn trình bày bị đơn Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Huy L có tài sản duy nhất là thửa đất số 197C, tờ bản đồ số 8, diện tích 279 m², GCNQSDĐ số AP 932963, do UBND huyện Đ cấp ngày 23/10/2009, đứng tên Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Kim L, địa chỉ thửa đất: khu phố 2, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh B. Ông L, bà L đang có hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 111, khoản 1 Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự, ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là thửa đất trên. Tòa án tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ vào ngày 05/5/2020 thì xác định bà L và ông L đã lập hợp đồng tặng cho thửa đất này cho cha mẹ ruột của bà L, ông L. Hợp đồng công chứng ngày 09/4/2020, đến ngày 05/5/2020 đang được Chi nhánh VPĐKKĐ Đ xem xét chờ làm thủ tục nộp thuế. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên sau khi nguyên đơn đã nộp số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa số 4813205313012, tại Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Đ, Tòa án nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 06/5/2020 nhằm phong tỏa tài sản là thửa đất số 197C, tờ bản đồ số 8, diện tích 279 m², GCNQSDĐ số AP 932963, do UBND huyện Đ cấp ngày 23/10/2009, đứng tên Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Kim L. Các đương sự không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại đối với quyết định này.

Tại Kết luận giám định số 1021/KLGD-PC09, ngày 19/10/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B đã kết luận như sau: tài liệu cần giám định là 01 “giấy mượn tiền” đề ngày 25/02/2019 có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim L (ký hiệu A); tài liệu mẫu so sánh: 01 “biên bản đối chất”, gồm 04 tờ giấy A4 đề ngày 26/8/2020 có chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim L (ký hiệu M); kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết và chữ dạng chữ số trong khung mực màu đỏ) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết.

Theo công văn số 108/CAĐT, ngày 04/8/2020, Công an thị trấn Đức Tài, huyện Đ đã trả lời công văn số 150/CV-TA, ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ như sau: ngày 11/3/2020 công an thị trấn Đức Tài không giải quyết vụ việc nào liên quan đến bà Hoàng Thị Vân A và bà Nguyễn Thị Kim L.

Về chi phí giám định và các chi phí khác phục vụ công tác giám định là 5.360.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), bà Hoàng Thị Vân A đã đóng tạm ứng số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 264, Điều 266 và Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 20 Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi 164.430.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Vân A và ông Trần Ngọc T số tiền nợ vay là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

4. Về chi phí giám định: buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Vân A số tiền 5.360.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Về án phí DSST: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới chịu 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Bà Hoàng Thị Vân A phải chịu 8.222.000 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền 12.008.000 đồng (mười hai triệu không trăm linh tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003545, ngày 15/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà A được hoàn trả số tiền 3.786.000 đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;
- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy

định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội D: các khoản nợ giữa bà Hoàng Thị Vân A và bà Nguyễn Thị Kim L phát sinh trước ngày 11 tháng 3 năm 2020 đã được hai bên giải quyết xong. Bên cạnh đó, theo bà A khai, số tiền 450.000.000 đồng cho bà L vay trả lãi hàng tháng, trả gốc một lần. Bà Nguyễn Thị Kim L mới chỉ trả cho bà Vân A 2.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc bà A đã đòi nhiều lần nhưng bà L chưa trả. Khoản nợ này phát sinh trước khoản nợ 557.970.000 đồng mà bà A thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh đòi nợ.

Do các khoản nợ phát sinh trước ngày 11 tháng 3 năm 2020 đã được hai bên giải quyết xong nên nay bà Hoàng Thị Vân A yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L tiếp tục trả số tiền 450.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/02/2019 là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn bà Hoàng Thị Vân A cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim L có nội D bà Nguyễn Thị Kim L và chồng là ông Nguyễn Huy L có vay của vợ chồng bà Hoàng Thị Vân A số tiền 450.000.000 đồng để đầu tư mở xưởng sản xuất miêng gió. Bà A khai, từ ngày 25/02/2019 đến nay, bà L mới chỉ trả cho bà Vân A 2.000.000 đồng tiền lãi. Về tiền gốc bà A đã đòi nhiều lần nhưng bà L chưa trả.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận, trước tháng 6/2019, bà L đã từng vay tiền của bà Hoàng Thị Vân A nhưng đã trả xong. Đến khoảng tháng 6 và tháng 7 năm 2019, bà Nguyễn Thị Kim L có vay trả góp của bà Vân A sáu lần: gày 07/6/2019 vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 18/6/2019 vay số tiền 110.000.000 đồng, ngày 24/6/2019 vay số tiền 190.000.000 đồng, ngày 04/7/2019 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 15/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 21/7/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L vay trả góp của bà A là 610.000.000 đồng. Thời gian sau đó, bà L đã trả được cho bà A 401.000.000 đồng, còn lại 209.000.000 đồng chưa trả. Bà A tự gút nợ với giấy nợ số tiền 557.970.000 đồng và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh đòi nợ bà L và hai bên đã giải quyết xong tại “*Biên bản làm việc*” ngày 11 tháng 3 năm 2020 do Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh lập tại Công an thị Trấn Đức Tài, huyện Đ.

[3] Xét lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: thời gian từ năm 2019 trở về trước, giữa hai bên đương sự đã có nhiều lần xác lập việc

vay mượn tiền, trong đó bên cho vay là bà Hoàng Thị Vân A và bên vay là bà Nguyễn Thị Kim L.

Trong đó có các khoản vay theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 số tiền 450.000.000 đồng và các khoản vay theo giấy nợ với số tiền 557.970.000 đồng mà sau đó bà A đã ủy quyền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh đòi nợ bà L và hai bên đã giải quyết xong với nhau. Như vậy, khoản nợ mà các bên đã chốt và giải quyết với nhau vào ngày 11/3/2020 và khoản nợ 450.000.000 đồng không liên quan với nhau.

Bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng khoản vay theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 số tiền 450.000.000 đồng đã được bà trả hết cho bà A trước thời điểm bà A cho bà L vay tiền theo giấy nợ với số tiền 557.970.000 đồng.

[4] Tại “*Biên bản làm việc*” ngày 11 tháng 3 năm 2020 do Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh lập tại Công an thị trấn Đức Tài, huyện Đ giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh là đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Vân A với bà Nguyễn Thị Kim L có thể hiện: số tiền nợ của bà L theo giấy nhận nợ là 557.970.000 đồng; số tiền thực nợ là 260.000.000 đồng. Kế hoạch trả nợ của bên B: “*ngày 11 tháng 3 năm 2020 bà L trả đủ số tiền 260.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị Vân A. Kể từ hôm nay, giữa bà với bà Nguyễn Thị Kim L và bà Hoàng Thị Vân A không còn nợ nần gì nhau. Hai bên không thắc mắc, khiếu nại gì về sau, bà Hoàng Thị Vân A hoàn trả hết giấy tờ nợ nần liên quan cho bà Nguyễn Thị Kim L*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định, sau khi bà L trả số tiền 260 triệu đồng, bà A đã giao lại toàn bộ các giấy tờ liên quan đến số nợ này cho bà L. Như vậy, có căn cứ cho rằng, tại buổi giải quyết nợ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh với bà Nguyễn Thị Kim L các bên không xem xét, giải quyết khoản vay theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 số tiền 450.000.000 đồng.

[5] Tại Kết luận giám định số 1021/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự - công an tỉnh B, ngày 19/10/2020, đã kết luận chữ ký, chữ viết trong “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 là chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim L.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng khoản vay theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 số tiền 450.000.000 đồng đã được bà trả hết cho bà A trước thời điểm bà A cho bà L vay tiền 06 lần trong tháng 6 và tháng 7 năm 2019 theo giấy nợ với số tiền 557.970.000 đồng.

Nếu thực sự số nợ 450.000.000 đồng theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 bà L đã trả cho bà A trước tháng 6/2019 theo như bà L khai thì trong phiên làm việc ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh với bà Nguyễn Thị Kim L các bên sẽ không còn đề cập đến khoản nợ này.

Như vậy, có căn cứ cho rằng khoản nợ mà các bên giải quyết tại buổi giải quyết nợ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh với bà Nguyễn Thị Kim L và khoản vay theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 số tiền 450.000.000 đồng là độc lập và không liên quan đến nhau.

[7] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[8] Bà L thừa nhận bà có vay của bà A số tiền 450.000.000 đồng theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 nhưng không chứng minh được là bà đã trả lại số tiền này cho bà A và bà A cũng không thừa nhận là bà L đã trả lại cho mình số tiền này. Cho nên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà A khởi kiện đòi bà L trả số tiền này là có căn cứ.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị Vân A cho rằng, do phí đòi nợ của Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh quá cao (35%) trên tổng số tiền đòi được nên bà chỉ hợp đồng với khoản nợ vay trả góp 557.970.000 đồng, còn khoản nợ 450.000.000 đồng theo “*giấy mượn tiền*” đề ngày 25/02/2019 do chưa bức xúc nên bà sẽ nhờ tòa án giải quyết sau.

Đây là quyền lựa chọn và quyền định đoạt của đương sự. Tòa án không thể suy diễn theo hướng tại sao có hai khoản nợ mà bà Hoàng Thị Vân A không thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hưng Thịnh đòi luôn mà chỉ thuê đòi một khoản để rồi khẳng định bị đơn không còn nợ tiền của nguyên đơn.

[10] Về nghĩa vụ liên đới: việc bà L vay tiền để làm ăn, phục vụ chi tiêu, sinh hoạt thiết yếu cho gia đình là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định vợ, chồng phải có nghĩa vụ liên đới trong trường hợp vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình buộc chồng bà Nguyễn Thị Kim L là ông Nguyễn Huy L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Hoàng Thị Vân A và ông Trần Ngọc T số tiền gốc 450.000.000 đồng là phù hợp.

[11] Về tiền lãi: Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Cho nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không được tòa án sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[12] Về chi phí giám định: yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ, nên án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định là phù hợp.

[13] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: bà Nguyễn Thị Kim L là ông Nguyễn Huy L là người có nghĩa vụ về tài sản đối với bà Hoàng Thị Vân A nhưng trong khi Tòa án đang giải quyết vụ án, bà L và ông L lại làm thủ tục tặng cho căn nhà duy nhất của mình cho cha mẹ của bà L. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là thửa đất số 197C, tờ bản đồ số 8, diện tích 279 m², GCNQSDĐ số AP 932963, do UBND huyện Đ cấp ngày 23/10/2009, đứng tên Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Kim L là cần thiết và đúng pháp luật. Cho nên cần hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2020/QĐ-BPBD ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phong tỏa số tiền

300.000.000 đồng trong tài khoản số 4813205313012, tại Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Đ của bà Hoàng Thị Vân A.

[12] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ:* khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 20 Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Vân A và ông Trần Ngọc T số tiền nợ vay là **450.000.000** đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi 164.430.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L thực hiện xong nghĩa vụ tài sản đối với bà Hoàng Thị Vân A và ông Trần Ngọc T, hoặc cơ quan thi hành án dân sự có quyết định khác.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2020/QĐ-BPBD ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phong tỏa số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản số 4813205313012, tại Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Đ của bà Hoàng Thị Vân A.

4. Về chi phí giám định: buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Vân A số tiền **5.360.000** đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L phải liên đới chịu **22.000.000** đồng (hai mươi hai triệu đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Bà Hoàng Thị Vân A phải chịu **8.222.000** đồng (tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 12.008.000 đồng (mười hai triệu không trăm linh tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003545, ngày 15/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà A được hoàn trả số tiền **3.786.000** đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Huy L đã nộp mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0005168 và 0005167 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Việt Minh